

UBND XÃ HẢI XUÂN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI XUÂN  
Số: 35/ BC-THHX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hải Xuân, ngày 05 tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI XUÂN NĂM 2025

#### I. Đánh giá chung:

Nhà trường đã triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, làm thay đổi nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; nhiệt tình với công việc, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm. Trong năm 2025, nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

#### II. Đánh giá cụ thể

##### 1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

##### a. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng.

- Trường Tiểu học Hải Xuân là đơn vị sự nghiệp công lập theo qua định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu, có tài khoản riêng theo quy định của Pháp luật.

- Chế độ làm việc: Theo giờ hành chính.

##### b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 33 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 32 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên: 0 người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 39 người. Trong đó có 09 viên chức tuyển mới, 02 viên chức chuyển đi, 01 viên chức nghỉ hưu; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên: 0 người)

##### c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Năm 2025: Trường Tiểu học Hải Xuân hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục thực hiện đúng theo các văn bản hướng dẫn của các cấp theo quy định.

- Tình hình chấp hành các chế độ tài chính: Thực hiện chấp hành đúng các chế độ tài chính.

- Chấp hành về thời gian: Chấp hành đúng thời gian nộp các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán.

- Chấp hành quy định về hệ thống mẫu biểu: Đơn vị chấp hành đúng hệ thống biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

- Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ: Nhà trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ chặt chẽ, đạt tỷ lệ 100%.

- Tình hình quản lý, sử dụng tài sản cố định, công cụ dụng cụ: Nhà trường đã mở sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ dụng cụ theo đúng quy định.

## **2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị**

Trường Tiểu học Hải Xuân được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu về việc giao quyền tự chủ về biên chế, tài chính giai đoạn 2022 - 2026 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao và các lĩnh vực khác.

## **3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị**

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Nguồn thu chi thường xuyên giao tự chủ: Theo dự toán NSNN giao.

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục thực hiện đúng theo các văn bản hướng dẫn của các cấp theo quy định.

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu:

+ Dự toán NSNN:	Dự toán thu:	6.995,858	triệu đồng
	Số thực hiện:	6.995,858	triệu đồng
+ Trông xe:	Dự toán thu:	37,95	triệu đồng
	Số thực hiện:	37,95	triệu đồng
+ Nước uống:	Dự toán thu:	89,250	triệu đồng
	Số thực hiện:	89,250	triệu đồng
+ Vệ sinh:	Dự toán thu:	160,650	triệu đồng
	Số thực hiện:	160,650	triệu đồng
+ Bán trú:	Dự toán thu:	566,967	triệu đồng
	Số thực hiện:	566,967	triệu đồng
+ Quản lý trực trưa	Dự toán thu:	106,787	triệu đồng
	Số thực hiện:	106,787	triệu đồng
+ Tài trợ	Dự toán thu:	233,2	triệu đồng
	Số thực hiện:	233,2	triệu đồng

+ Kỹ năng sống:	Dự toán thu:	59,160	triệu đồng
	Số thực hiện:	59,160	triệu đồng
+ CSSK BHYT:	Dự toán thu:	104,993	triệu đồng
	Số thực hiện:	104,993	triệu đồng
+ Nguồn khác	Dự toán thu:	0,64	triệu đồng
	Số thực hiện:	0,64	triệu đồng
- Nguồn chi:			
+ Dự toán NSNN:	Dự toán chi:	6.995,858	triệu đồng
	Số thực hiện:	6.995,858	triệu đồng
+ Trông xe:	Dự toán chi:	37,95	triệu đồng
	Số thực hiện:	37,95	triệu đồng
+ Nước uống:	Dự toán chi:	89,250	triệu đồng
	Số thực hiện:	89,250	triệu đồng
+ Vệ sinh:	Dự toán chi:	160,650	triệu đồng
	Số thực hiện:	160,650	triệu đồng
+ Bán trú:	Dự toán chi:	566,967	triệu đồng
	Số thực hiện:	566,967	triệu đồng
+ Quản lý trực trura	Dự toán chi:	106,787	triệu đồng
	Số thực hiện:	106,787	triệu đồng
+ Tài trợ	Dự toán chi:	233,2	triệu đồng
	Số thực hiện:	233,2	triệu đồng
+ Kỹ năng sống:	Dự toán chi:	59,160	triệu đồng
	Số thực hiện:	59,160	triệu đồng
+ CSSK BHYT	Dự toán chi:	102,734	triệu đồng
	Số thực hiện:	102,734	triệu đồng
+ Nguồn khác	Dự toán chi:	0,192	triệu đồng
	Số thực hiện:	0,192	triệu đồng

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện: 0 triệu đồng)

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm:

- Tổng chi thu nhập tăng thêm trong năm: 0 triệu đồng.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Khi thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ Trường TH Hải Xuân luôn bám theo các văn bản của các cấp có thẩm quyền, đảm bảo chứng từ hợp

pháp, hợp lệ theo quy định. Nội dung Quy chế bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong đơn vị, đảm bảo với chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của đơn vị. Quy chế chi tiêu nội bộ được thảo luận, công khai trong đơn vị và cá ý kiến thống nhất của Hội đồng trước khi ban hành;

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

Đơn vị thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực theo quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cho từng lĩnh vực.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí .

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn: Không có

4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên .

*Không có*

5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

Đơn vị thuộc nhóm 4, phần chi thường xuyên là do Nhà nước đảm bảo 100%. Trong năm đợ vị thực hiện chế độ chi tiêu tài chính theo đúng quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo duy trì các hoạt động thường xuyên diễn ra bình thường không có kinh phí tiết kiệm.

6. Đề xuất, kiến nghị.

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhằm tạo điều kiện cho đơn vị chủ động hơn trong việc hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

*(Biểu báo cáo số liệu kèm theo)*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

*(Ký tên)*

**Vương Thị Huệ**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**Trần Thị Hoa**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH  
NĂM 2025**

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị</b>	<b>Người</b>			
1	Số cán bộ, viên chức	Người	44	39	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	0	0	
<b>II</b>	<b>Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>5.908,596</b>	<b>5908,596</b>	
<b>III</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>7.926,141</b>	<b>7.926,141</b>	
<b>A</b>	<b><i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</i></b>	<b>Triệu đồng</b>			
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)				
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định) Chi tiết:				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản	Triệu đồng	6.567,011	6.567,011	

	thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)				
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)		1.359,150	1.359,150	
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
<b>IV</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	Triệu đồng	7.926,15	<b>7.926,15</b>	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Triệu đồng	6.243,816	6.243,816	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng	113,976	113,973	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Triệu đồng	209,220	209,220	
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác ( Chi từ các nguồn hoạt động sự nghiệp )	Triệu đồng	<b>1.359,139</b>	<b>1.359,138</b>	
	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp...	Triệu đồng	1.240,08	1.240,08	
	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Triệu đồng	119,0159	119,059	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp				

	chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
<b>V</b>	<b>Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)</b>				
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				
	<b><i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i></b>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập ứng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
<b>B</b>	<b><i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i></b>	Triệu đồng			
1	Nguồn thu	Triệu đồng	<b>428,847</b>	<b>428,847</b>	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)	Triệu đồng	428,847	428,847	
	Kinh phí sử dụng dịch vụ phần mềm, mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất	Triệu đồng	112,775	112,775	
	Quỹ khen thưởng theo NĐ số 73/2024/NĐ-CP	Triệu đồng	306,072	306,072	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				

c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		428,847	428,747	
-	Kinh phí sử dụng dịch vụ phần mềm, mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất	Triệu đồng	112,775	112,775	
-	Quỹ khen thưởng theo ND số 73/2024/ND-CP	Triệu đồng	306,072	306,072	
<b>IV</b>	<b>Về vay vốn, huy động vốn</b>	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

*Ghi chú: Số thứ tự Điểm 1.1 A.III (\*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký tên)

**Vương Thị Huê**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



**Trần Thị Hoa**